

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Số: 79/2006/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Cần Thơ, ngày 29 tháng 12 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên
ngân sách nhà nước năm 2007**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;
Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Quyết định số 151/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2007;
Căn cứ Nghị quyết số 78/2006/NQ.HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc quyết định định mức, phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2007;
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2007, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (kèm theo định mức).

Điều 2. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Quyết định này đã bao gồm toàn bộ tiền lương theo quy định tại Nghị định số 94/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 và Nghị định số 93/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ. Định mức này là cơ sở để xây dựng dự toán chi ngân sách của từng sở, ban, ngành, đoàn thể cấp thành phố, dự toán chi ngân sách của quận, huyện (bao gồm cấp huyện và cấp xã).

Điều 3. Quyết định này được áp dụng từ năm ngân sách 2007 và thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2007 đến 2010 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau mười ngày và được đăng báo Cần Thơ chậm nhất năm ngày kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Phước Như

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN
NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ CẦN THƠ GIAI ĐOẠN 2007 - 2010**

(Kèm theo Quyết định số 79/2006/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2006)

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
1. Chi sự nghiệp giáo dục		
* Thành phố (phân bổ theo dân số trong độ tuổi đến trường từ 1 đến 18 tuổi)	đồng/người dân/năm	313.175
* Quận, huyện		
- Chi cho con người (gồm lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương): tương đương 83%		theo thực tế
- Chi hoạt động: tương đương 17%		
2. Chi sự nghiệp đào tạo		
* Thành phố		
- Chi cho bộ máy	triệu đồng/biên chế/năm	33
- Chi cho học sinh		
+ Trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp	triệu đồng/học sinh/năm	1,4
+ Trường trung học văn hoá nghệ thuật	triệu đồng/học sinh/năm	5,0
+ Trường chính trị	triệu đồng/học sinh/năm	3,6
+ Trường trung học thể dục thể thao	triệu đồng/học sinh/năm	5,5
* Quận, huyện	triệu đồng/đơn vị/năm	680
(Kể cả kinh phí đào tạo lại cán bộ công chức)		
3. Chi sự nghiệp y tế		
* Thành phố	đồng/người dân/năm	63.157

* Quận, huyện		
- Bệnh viện	triệu đồng/giường/năm	43
- Trung tâm y tế dự phòng		
+ Chi lương, phụ cấp và các khoản theo lương		theo thực tế
+ Chi hoạt động	đồng/người dân/năm	1.307
- Trạm y tế xã		
+ Chi lương, phụ cấp và các khoản theo lương		theo thực tế
+ Chi hoạt động	đồng/người dân/năm	647
4. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		
- Thành phố	đồng/người dân/năm	5.212
- Quận, huyện	đồng/người dân/năm	3.536
5. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình		
- Thành phố	đồng/người dân/năm	6.083
- Quận, huyện	đồng/người dân/năm	2.020
6. Chi sự nghiệp thể dục thể thao		
- Thành phố	đồng/người dân/năm	5.561
- Quận, huyện	đồng/người dân/năm	1.515
7. Chi quản lý hành chính		
- Văn phòng HĐND, Văn phòng UBND	triệu đồng/biên chế/năm	52

- Thành phố		
+ Đơn vị từ 5 đến 10 biên chế	triệu đồng/biên chế/năm	45
+ Đơn vị từ 11 đến 20 biên chế	triệu đồng/biên chế/năm	43
+ Đơn vị từ 21 đến 40 biên chế	triệu đồng/biên chế/năm	41
+ Đơn vị trên 40 biên chế	triệu đồng/biên chế/năm	40
+ Các Chi cục	triệu đồng/biên chế/năm	37
+ Các Trung tâm	triệu đồng/biên chế/năm	32
- Quận, huyện	triệu đồng/biên chế/năm	40
8. Chi ngân sách xã	triệu đồng/đơn vị/năm	1.080

*** Ghi chú:**

- Định mức trên đã tính theo mức lương tối thiểu 450.000đ (theo Nghị định số 93/2006/NĐ-CP về điều chỉnh mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc và Nghị định số 94/2006/NĐ-CP về điều chỉnh mức lương tối thiểu ngày 07/9/2006 của Chính phủ).

- Các định mức còn lại được tính theo thực tế và khả năng ngân sách của thành phố.